

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2023

Thực hiện Công văn số 1545/STC-Ttr ngày 19/05/2023 của Sở Tài chính về báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2023. Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh (gọi tắt là Quỹ), là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân tỉnh thành lập theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 12/11/2002, Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương. Quỹ nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương như: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Tổng số người lao động (NLĐ) hiện tại là 39 người. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sỹ và Đại học là 35/39 người, chiếm tỉ lệ 90% so với tổng số NLĐ. Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân và Cao cấp là 08 người (trong đó đang học: 3 người); Trung cấp 19 người;

Tổng số đảng viên của Chi bộ hiện nay là 24 đồng chí (trong đó: chính thức 22 đ/c; dự bị 02 đ/c), được phân thành 03 tổ đảng; Chi ủy có 03 đồng chí (khuyết đ/c Bí thư).

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh (gọi tắt là Quỹ) thường xuyên quán triệt và tuyên truyền Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến THTK, CLP đến toàn thể người lao động (NLĐ) như Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí (THTK, CLP); Công văn số 2522/UBND-KTTC ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh V/v chế độ báo cáo kết quả thực hiện công tác THTK, CLP và các văn bản hướng dẫn; các văn bản có liên quan của cấp thẩm quyền về công tác THTK, CLP;

Số lượt tuyên truyền: 39 lượt; hình thức tuyên truyền: gửi tài liệu triển khai trên hệ thống Egov của Quỹ;

Toàn thể NLD tại Quỹ đã nắm bắt được các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc THTK, CLP, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm về THTK, CLP và tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí tại đơn vị.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Trên cơ sở các văn bản triển khai hướng dẫn của cấp thẩm quyền, Quỹ đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chương trình, Kế hoạch THTK, CLP năm 2023 như sau:

- Chương trình số 01/CTr-QĐTPT ngày 27/03/2023 của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023;

- Kế hoạch số 27/KH-QĐTPT ngày 25/04/2023 của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về triển khai, thực hiện phong trào thi đua ” Tây Ninh đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” giai đoạn 2022-2030;

- Kế hoạch số 35/KH-QĐTPT ngày 23/05/2023 của QĐTPT về tự kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Quỹ ĐTPT Tây Ninh năm 2023.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, xử lý vi phạm trong THTK, CLP của Quỹ ĐTPT Tây Ninh

- Số cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán: 0 cuộc.

- Số tiền thu hồi, kiến nghị thu hồi từ công tác kiểm toán: không có.

III. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (Kèm theo Phụ lục tổng hợp kết quả THTK, CLP của Quỹ ĐTPT Tây Ninh từ 01/01/2023 đến 31/05/2023).

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

1.1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Quỹ đã xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, thực hiện định mức, cụ thể như sau:

- Quyết định số 261/QĐ-HĐQL ngày 10/02/2023 của Hội đồng quản lý Quỹ về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

- Quyết định số 04/QĐ-CĐCS ngày 11/04/2023 của Công đoàn cơ sở Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong năm 2022, Quỹ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện tốt các Quy chế, quy trình đã ban hành, góp phần bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao trong thời gian qua; không có hành vi vi phạm trong ban hành, thực hiện và kiểm tra định mức, tiêu chuẩn, chế độ tại Quỹ;

- Quyết định số 12/QĐ-QĐTPT ngày 09/05/2023 của Quỹ ĐTPT Tây Ninh về Ban hành Quy định nội bộ về xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

- Quyết định số 13/QĐ-QĐTPT ngày 09/05/2023 của Quỹ ĐTPT Tây Ninh về Ban hành Quy định kiểm tra, định giá lại tài sản thế chấp trong hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

- Quyết định số 1049/QĐ-HĐQL ngày 09/05/2023 của HĐQL về việc phê duyệt mức lãi suất cho vay các dự án thuộc danh mục, lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh;

1.2. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan.

Quỹ thực hiện việc mua sắm, sử dụng phương tiện ô tô, thông tin liên lạc và thiết bị làm việc đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện bố trí sử dụng tài sản hợp lý, hiệu quả.

1.3. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc.

Đất đai, trụ sở làm việc được giao quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

1.4. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động.

Quỹ thực hiện bố trí và sử dụng NLĐ đúng theo vị trí việc làm, qua đó phát huy được năng lực chuyên môn của NLĐ. Trong 6 tháng năm 2023 đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 02 lượt NLĐ theo kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2023 và được công khai trong nội bộ Quỹ bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Quỹ;

Hàng tháng, 100% NLĐ được đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NLĐ và các phòng nghiệp vụ theo quy định.

1.5. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại đơn vị.

Ban Giám đốc chỉ đạo triển khai thực hiện quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2023 của Quỹ ĐTPT Tây Ninh;

Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao hiệu quả, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn; thực hiện đầu tư trực tiếp, cho vay theo Điều lệ và các quy chế theo quy định pháp luật hiện hành;

Bên cạnh đó, Quỹ thực hiện quản lý, sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương như: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

1.6. THTK trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước (NSNN) và Quỹ tài chính nhà nước của đơn vị được giao quản lý.

1.6.1. Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh (số liệu tại ngày 31/05/2023):

ĐVT: đồng

I	Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm: (1+2+3)	1.024.202.771.945
1	Vốn điều lệ:	988.749.112.276
	- Vốn ngân sách cấp	885.000.000.000
	- Vốn bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	103.749.112.276
2	Vốn khác của chủ sở hữu	1.780.646.419
3	Quỹ đầu tư phát triển	33.673.013.250
II	Trích lập dự phòng rủi ro cho vay	13.223.837.564
III	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	

1.6.2. Quỹ phát triển đất tỉnh Tây Ninh

Tổng Nguồn vốn hoạt động trong năm (Lũy kế đến ngày 31/5/2023) là 1.082.427 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn Ngân sách cấp: 1.006.133 triệu đồng.
- + Ngân sách Tỉnh: 376.969 triệu đồng.
- + Nguồn vốn bổ sung từ Quỹ phát triển đất: 6.760 triệu đồng
- + Ngân sách huyện, thành phố: 622.404 triệu đồng.
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 62.624 triệu đồng.
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 13.513 triệu đồng.
- Quỹ khen thưởng: 105 triệu đồng.
- Quỹ phúc lợi: 52 triệu đồng.

1.6.3. Quỹ nhà ở xã hội (NOXH): 9.200 triệu đồng.

1.6.4. Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh (số liệu tại ngày 31/05/2023):

ĐVT: đồng

I	Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm: (1+2+3)	24.393.713.338
1	Vốn Điều lệ thực có	20.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.398.500.525
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.995.212.813
II	Trích lập dự phòng rủi ro cho vay	13.177.400
III	Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/05/2023	203.720.982

1.6.5. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (số liệu tại ngày 31/05/2023):

ĐVT: đồng

I	Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm: (1+2+3)	43.697.416.568
1	Vốn Điều lệ thực có	33.000.000.000
2	Vốn bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển	8.943.722.563
3	Quỹ Đầu tư Phát triển	1.753.694.005
II	Trích lập dự phòng rủi ro cho vay	12.447.660
III	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	940.348.924
IV	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	

1.7. THTK, CLP trong quản lý chi phí hoạt động thường xuyên.

Quỹ thực hiện nghiêm các quy định mới về chế độ chi hội nghị, chế độ công tác phí đối với người lao động (NLĐ); chi tiếp khách đúng định mức, hiệu quả; tiết kiệm các khoản chi thường xuyên như: điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm...; kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí quản lý tại Quỹ theo Quy chế chi tiêu nội bộ và kế hoạch tài chính năm 2023 được duyệt.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: không có.
- Số vụ việc đã được xử lý: không có.

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: không có

3. Phân tích, đánh giá

3.1. Đánh giá kết quả đạt được.

Ban Giám đốc đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện nghiêm túc công tác THPTK, CLP; nhất là công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về THPTK, CLP nhằm tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của NLD; triển khai thực hiện có hiệu quả việc “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đặc biệt là tư tưởng của Bác về THPTK, CLP;

Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn thể NLD tại đơn vị thực hiện có hiệu quả Luật THPTK, CLP và các văn bản quy định của Nhà nước; công tác THPTK, CLP thực sự trở thành nhiệm vụ thường xuyên và gắn liền với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Quỹ trong quá trình hoạt động.

Kết quả đạt được: Đơn vị thực hiện tốt các nội dung đề ra trong Kế hoạch và Chương trình THPTK, CLP năm 2023.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: không có.

3.3. Những kinh nghiệm rút ra.

Ban Giám đốc thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho NLD, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc THPTK, CLP tại nơi làm việc;

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác THPTK, CLP; phát huy vai trò giám sát của Ban thanh tra nhân dân, các tổ chức Đoàn thể trong THPTK, CLP; công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của đơn vị; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, phổ biến sâu rộng cho NLD về ý thức THPTK, CLP trong thực hiện nhiệm vụ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THPTK, CLP TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện đến toàn thể NLD các chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về THPTK, CLP;

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện tốt đối với các lĩnh vực có liên quan đến THPTK, CLP; nâng cao hiệu quả công tác giám sát các dự án cho vay và đầu tư trực tiếp tại Quỹ;

Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu và xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong quản lý sử dụng nguồn vốn, tài sản của đơn vị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động cho vay và đầu tư trực tiếp tại Quỹ; thực hiện bố trí nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn của từng NLD; đưa kết quả THPTK, CLP

làm một trong những tiêu chí tính thi đua, khen thưởng và đánh giá xếp loại NLD tại Quỹ;

Tiếp tục tổ chức, thực hiện việc đánh giá kết quả THPT, CLP năm 2023 và báo cáo kết quả thực hiện định kỳ theo quy định;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về công tác THPT, CLP; thực hiện công khai THPT, CLP.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ THPT, CLP: không có.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2023 của Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh.

Nơi nhận: KTT

- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc;
- Trưởng các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, QĐTPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hà

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2023 (01/01/2023 đến 31/5/2023)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng						
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác	triệu đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc						
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng						
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2,1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2,2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2,3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2,4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2						
2,5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2,7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3,1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3,2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3,3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3,4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2						
3,5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3,7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu (vật liệu giấy, mực in, đồ dùng VP)	triệu đồng	271,32	310,00	47,72	18%	15%	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng (xăng, dầu, điện, nước)	triệu đồng	229,48	320,00	64,73	28%	20%	
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	4.060,30	5.381,68	2.020,83	50%	38%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác	triệu đồng						
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	2		2			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc	2		2			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	33.862,47		23.704,61			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	23.704,61		23.704,61			
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	686.822		784.431			
	Số cuối kỳ	triệu đồng	784.431		1.024.203			
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
-1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của kỳ trước (năm 2022)	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo (6 tháng năm 2023)	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

LẬP BIỂU


Trần Thị Kim Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Lộc

Tây Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hà